

VỀ VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

Hoàng Thị Hương

Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam lần đầu tiên nêu vấn đề *bình đẳng giới* trong phần trình bày quan điểm của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của phụ nữ. Văn kiện Đại hội nêu: Đối với phụ nữ, thực hiện tốt luật pháp và chính sách bình đẳng giới, bồi dưỡng, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao học vấn; có cơ chế, chính sách để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp, các ngành; chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ bà mẹ và trẻ em; tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện thiên chức người mẹ; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, năm 2001, tr. 126). Đây là một bước phát triển mới trong quá trình tổng kết, đánh giá tình hình thực tiễn và đúc rút thành những nội dung và giải pháp cơ bản cần quan tâm trong công tác vận động quần chúng và phát huy sức mạnh toàn dân của Đảng. Với việc sử dụng cụm từ "*Bình đẳng giới*", Văn kiện của Đảng đã nêu một cách đặt vấn đề mới về phát huy vai trò của phụ nữ trong các mối quan hệ và tác động qua lại giữa hai giới nam và nữ. Phát huy vai trò của phụ nữ không chỉ nhằm mục đích thu hút họ vào công cuộc đổi mới đất nước mà còn nhằm đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu của cả phụ nữ và nam giới vì sự phát triển bền vững của dân tộc và đất nước.

Chúng ta có thể hiểu: Giới là một thuật ngữ để chỉ vai trò xã hội, hành vi ứng xử xã hội và những kỳ vọng liên quan đến nam và nữ. Phụ nữ và nam giới khác nhau về mặt sinh học. Người phụ nữ có thể mang thai và cho con bú, còn nam giới thì không. Nói chung, người đàn ông trưởng thành thường có thân thể to lớn hơn người phụ nữ trưởng thành và giữa nam và nữ phải chịu nguy cơ rủi to về sức khoẻ

khác nhau rất xa về mặt sinh học, đòi hỏi phải có các phương pháp điều trị không giống nhau. Tất cả mọi văn hoá đều lý giải và quy định chi tiết những khác biệt sinh học vốn có đó thành một hệ thống những kỳ vọng xã hội về những hành vi và hoạt động được coi là thích hợp dành cho nam và nữ, và những quyền hạn, nguồn lực hay quyền lực mà họ có.

Giống như chủng tộc, tộc người và đẳng cấp, giới là một phạm trù xã hội mà, trong một chừng mực lớn, sẽ quyết định cơ hội cuộc sống của con người, xác định vai trò của họ trong xã hội và trong nền kinh tế. Mặc dù một vài xã hội không có sự chia rẽ về màu da hay chủng tộc nhưng tất cả các xã hội đều tồn tại sự không tương xứng về giới - khác biệt và thiên lệch - ở các mức độ khác nhau. Vai trò và mối quan hệ về giới có thể biến đổi rất lớn trong các xã hội khác nhau. Nhưng giữa chúng cũng lại có nhiều điểm tương đồng. Thí dụ, hầu như tất cả các xã hội đều quy trách nhiệm chính trong việc chăm sóc con cái và trẻ nhỏ cho phụ nữ và các bé gái, còn việc phục vụ quân đội và an ninh quốc gia cho nam giới.

Vai trò và mối quan hệ về giới phát triển dần trong sự tương tác giữa các ràng buộc về sinh học, công nghệ, kinh tế và các ràng buộc xã hội khác. Một số nhà khoa học xã hội cho rằng vai trò của giới lúc đầu phản ánh các chiến lược sinh tồn hiệu quả và mang tính trói buộc - do các chuẩn mực về giới thay đổi chậm hơn so với các yếu tố đã kiến tạo nên chúng. Thực tiễn cũng cho thấy, phải cần có thời gian để thay đổi những chuẩn mực về giới, những chuẩn mực này không phải bất biến. Quả thực, chúng đã thay đổi tương đối nhanh trước những điều kiện kinh tế - xã hội.

“Bình đẳng giới” trong bài viết này chỉ giới hạn ở bình đẳng về luật pháp, bình đẳng về cơ hội được học hành, về chăm sóc sức khoẻ y tế và trong vấn đề việc làm và được hưởng thụ thành quả lao động.

Bình đẳng giới luôn là biểu hiện tập trung của công bằng xã hội, trong đó phụ nữ và nam giới được tạo những điều kiện tốt nhất, tương đương nhau về hưởng thụ chính đáng những thành quả lao động của bản thân, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình trong gia đình và ngoài xã hội. Bản chất của bình đẳng giới là một vấn đề của cả hai giới đều được xem xét trong mối liên hệ với nhau, trên tinh thần tôn trọng sự khác biệt của mỗi giới. Vì bất bình đẳng giới đã tồn tại lâu

dài trong lịch sử, nhất là từ khi chế độ phụ quyền xuất hiện và thay thế chế độ mẫu quyền với đặc điểm cơ bản là sự thống trị và quyền lực tuyệt đối của nam giới đối với phụ nữ.

Một trong những biểu hiện tiêu biểu nhất của sự bất bình đẳng giới trong xã hội Việt Nam ngay từ thời phong kiến là hoàn toàn không thấy bóng dáng người phụ nữ chốn của Khổng sơn Trình. Trong lịch sử chỉ hiện lên hình ảnh người phụ nữ đảm đang lo việc tầm tang canh củi, tần tảo nuôi chồng ăn học. Người phụ nữ khao khát được học hành, nhưng họ chỉ có thể thực hiện được khát vọng của mình bằng cách duy nhất là giả dạng nam nhi.

Cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đặt vấn đề bình đẳng giới thành một mục tiêu của cách mạng là “nam nữ bình quyền”. Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1946 đã khẳng định: *Phụ nữ bình đẳng với nam giới*. Đó là thuận lợi căn bản và là điều kiện thành công của cuộc đấu tranh giải phóng phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam. Mặc dù vậy, cho tới nay những năm đầu của thế kỷ XXI này, người phụ nữ vẫn chưa đạt được sự bình đẳng tương đối với nam giới. Tư tưởng “trọng nam, khinh nữ” hằn sâu trong nếp nghĩ của những người dân Việt khiến không ít bé gái vừa mới chào đời đã phải chịu sự ghẻ lạnh của chính những người thân trong gia đình, vì thế, các bé cũng không được hưởng sự quan tâm, chăm sóc đầy đủ như các bé trai. Đặc biệt trẻ em gái ít được đến trường hơn. Điều này càng phản ánh rõ ở các bậc học cao, ở các thành phố, thị xã, sự chênh lệch về tỷ lệ trẻ em trai – gái được đến trường không thể hiện rõ. Nhưng càng về các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa thì càng có hiện tượng rất ít trẻ em gái được đi học. Nguyên nhân chính là do đời sống kinh tế khó khăn, nếu buộc phải để cho một trong hai con (một trai, một gái) nghỉ học, đương nhiên phần thiệt thòi sẽ thuộc về bé gái.

Để hạn chế tình trạng bất bình đẳng giữa nam và nữ đã tồn tại từ nhiều năm nay ở nhiều nước trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng đang là vấn đề cần được quan tâm mà Đảng và Nhà nước đã nêu trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX về vấn đề “*bình đẳng giới*”.

Nhà nước đã có nhiều nỗ lực tạo điều kiện cho phụ nữ và trẻ em gái tham gia học tập và có những tiến bộ đáng kể trong việc hướng tới cân bằng giới ở các cấp học.

Khoảng cách giới đã dần được thu hẹp. Tỷ lệ học sinh nữ ở các cấp đã tăng lên đáng kể.

Nhà nước bảo đảm quyền làm việc của phụ nữ bình đẳng về mọi mặt với nam giới, có chính sách khuyến khích người sử dụng lao động tạo điều kiện để người lao động nữ có việc làm thường xuyên, áp dụng rộng rãi chế độ làm việc theo thời gian biểu linh hoạt, làm việc không chọn ngày, không chọn tuần, giao việc làm tại nhà.

Nhà nước có chính sách và biện pháp từng bước mở mang việc làm, cải thiện điều kiện lao động, nâng cao trình độ nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe, tăng cường phúc lợi về vật chất và tinh thần của lao động nữ nhằm giúp lao động nữ phát huy có hiệu quả năng lực nghề nghiệp, kết hợp hài hòa cuộc sống lao động và cuộc sống gia đình.

Nghiêm cấm người sử dụng lao động có hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm danh dự và nhân phẩm phụ nữ.

Người sử dụng lao động phải thực hiện nguyên tắc bình đẳng nam nữ về tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương và trả công lao động.

Người sử dụng lao động phải ưu tiên nhận phụ nữ vào làm việc khi người đó đủ tiêu chuẩn tuyển chọn làm công việc phù hợp với cả nam và nữ mà doanh nghiệp đang cần. (Điều 109 và Điều 111 Bộ Luật lao động của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi bổ sung năm 2002).

Trên thực tế, Phụ nữ tham gia hoạt động kinh tế với tỷ lệ cao. Tuy nhiên, kinh tế thị trường với sự cạnh tranh gay gắt đã dẫn tới xu hướng lao động nữ giảm dần trong khu vực chính thức và tăng lên ở khu vực không chính thức. Một bộ phận lao động nữ tiếp tục phải làm việc trong điều kiện khó khăn quá tiêu chuẩn cho phép về vệ sinh môi trường (bụi, nhiệt độ, tiếng ồn, khí độc...) dẫn đến tỷ lệ phụ nữ mắc bệnh nghề nghiệp cao.

Từ tháng 10/1999, Chính Phủ ban hành chế độ làm việc 40 giờ/tuần đã tạo điều kiện cho nhiều lao động nữ nghỉ ngơi, học tập, nâng cao trình độ và chăm sóc gia đình.

Về việc chăm sóc sức khỏe: Nâng cao tính công bằng và hiệu quả trong tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế quốc gia. Nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, tr 213).

Thực hiện chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, đặc biệt coi trọng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em trong đó có chương trình phát triển y tế cơ sở, người dân nói chung, người nghèo và phụ nữ nói riêng đã được tiếp cận với dịch vụ y tế một cách tương đối công bằng. Với chương trình chăm sóc sức khỏe phụ nữ các lứa tuổi và “làm mẹ an toàn”. Tuy nhiên, chưa có sự cân bằng về giới trong việc thực hiện các biện pháp tránh thai. Phụ nữ vẫn bị coi là đối tượng chính trong việc sử dụng các biện pháp tránh thai. Điều này có ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe của phụ nữ. Việc tiếp cận với kiến thức, thông tin về sức khỏe sinh sản đối với phụ nữ vẫn còn hạn chế, đặc biệt đối với phụ nữ nông thôn, phụ nữ dân tộc và phụ nữ nghèo.

Tóm lại, những thành tựu bình đẳng giới đã góp phần cải thiện vai trò của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội trong những năm gần đây. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế xã hội còn thấp kém, do những thiên kiến giới vẫn còn tồn tại dai dẳng trong xã hội, nên phụ nữ nói chung và phụ nữ nghèo nói riêng vẫn còn chịu nhiều thiệt thòi và công bằng giới vẫn chưa đạt được như mong muốn mặc dù đã được các cấp các ngành quan tâm đưa vào chương trình phát triển của ngành hoặc địa phương mình.

Trong giai đoạn 1998 - 2000, các thành phố và các bộ, ngành đã xây dựng hệ thống Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ đến đơn vị cơ sở. Cho đến nay, tất cả các tỉnh, thành đã thành lập và đưa Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ vào hoạt động. Nhiệm vụ chính của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ là tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo trong việc xây dựng và chỉ đạo thực hiện chính sách của bộ, ngành và tỉnh, thành nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới.

Trên thực tế bình đẳng giới như một cách tiếp cận xây dựng chính sách và kế hoạch phát triển đã không chỉ dừng lại ở cấp Trung ương. Nhiều tỉnh, thành đã đưa vấn đề bình đẳng giới vào hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ vào chương trình và kế hoạch của Hội đồng nhân dân các cấp. Việc xây dựng các biện pháp chính sách vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới ở các địa phương là xuất phát từ thực

tế và điều kiện đặc thù của địa phương trên cơ sở tính đến những đặc điểm và nguồn lực cụ thể.

Để thực hiện bình đẳng giới, cần phải có sự đầu tư nguồn lực thoả đáng, đặc biệt là đầu tư tài chính cho các chương trình quốc gia, cũng như cho các cơ quan hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ như Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Đưa vấn đề giới vào phát triển, NXB Văn hoá Thông tin, năm 2001
- 2 Tạp chí Khoa học về phụ nữ các số năm 2002, 2003
- 3 Kỷ yếu Hội nghị Khoa học nữ lần thứ 6
- 4 Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, năm 2001
- 5 Phụ nữ và pháp luật, NXB Phụ nữ, năm 2001
- 6 Bộ Luật lao động của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, năm 2002, NXB Chính trị Quốc gia.